

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 25/09/2019  
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự.

2. Ông Vũ Kim Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H – sinh năm 1998; có mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1994; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Huỳnh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T sau khoảng 1 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với

nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên đánh đập chị nhiều lần. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả, do bị đánh đập nhiều nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Y ở từ tháng 1 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con cái và tài sản: Chị và anh T không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2019 bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị H có Đăng ký kết hôn hợp pháp với nhau vào tháng 12 năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh được ba ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và chị H không hòa hợp được với anh em gia đình nhà chồng, mặt khác chị H còn có thái độ hỗn láo với gia đình bố mẹ anh. Do không chịu được nên mới chung sống với nhau một tháng vợ chồng đã cãi nhau và anh làm đơn xin ly hôn chị H, nhưng chị H không đồng ý và không ký vào đơn ly hôn. Từ đầu năm 2019 đến nay chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Y để ở và vợ chồng đã không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù sống ly thân nhưng chị H luôn có thái độ chửi bới và xúc phạm anh trên mạng xã hội, nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn và vợ chồng không thể về chung sống được nhưng anh không đồng ý ly hôn mà việc ly hôn do chị H tự giải quyết.

Anh và chị H không có con cái và tài sản nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời anh có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Án phí: Chị Huỳnh Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn T, anh Toàn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống mới có một thời gian ngắn chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên đều xác định vợ chồng mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn, cũng không có khả năng về đoàn tụ. Chị H có đơn xin ly hôn anh T, anh T không nhất trí ly hôn, nhưng bản thân anh cũng không muốn về đoàn tụ và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị có thời gian sống chung với nhau hơn một tháng nhưng đã có thời gian sống ly thân nhau gần một năm nay. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 8 năm 2019 Ủy ban nhân dân xã T xác định anh T và chị H kết hôn hợp pháp tháng 12 năm 2018 tại xã T, sau khi kết hôn anh chị có về chung sống cùng bố mẹ anh T khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị thường cãi vã nhau. Đầu năm 2019 đến nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của

chị H ở Y để sinh sống và không quay về với anh T nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con cái và tài sản: Chị H và anh T không có con chung và tài sản chung, nay ly hôn chị H và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Huỳnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn

2/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị H phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003107 ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện K
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Khanh**